

VĂN HỌC VIỆT NAM 60 NĂM NHÌN LẠI (1945-2005)

PHAN TRỌNG THƯỜNG*

Trong khi nghiên cứu tiến trình văn học Việt Nam hiện đại, không ít nhà nghiên cứu do choáng ngợp trước các ý nghĩa lớn lao của Cách mạng tháng Tám, đã xem mốc lịch sử năm 1945 như một lát cắt ngang chia cắt tiến trình văn học trước và sau đó thành hai giai đoạn hoàn toàn biệt lập khác hẳn nhau về chất, gần như không có sự chuẩn bị, chuyển tiếp hay kế thừa nào, trong đó, cái nhìn đối với các hiện tượng văn học trước 1945 ở không ít trường hợp cho thấy khá nhiều định kiến dẫn tới thiếu khách quan và thiếu chuẩn xác về mặt khoa học; còn văn học từ 1945 trở đi cũng lại được nhìn nhận, đánh giá theo một định kiến khác, khiến cho không ít trường hợp trở nên bất cập, thiếu biện chứng lịch sử và văn học.

Thực tế là từ cuối những năm hai mươi, đầu những năm ba mươi của thế kỷ XX, khuynh hướng văn học vô sản đã hình thành và phát triển cả trên phương diện lý luận lẫn thực tiễn sáng tác. Nhất là từ đầu những năm bốn mươi trở đi, dưới ảnh hưởng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (1943) và vai trò tiên phong của tổ chức Văn hóa cứu quốc, những dấu hiệu mới của nền văn học cách mạng đã xuất hiện và dần

* PGS. TS Viện Văn học.

dân chiếm lĩnh văn đàn để đến khi bắt gặp sự kiện Cách mạng tháng Tám thì phát triển thành dòng chủ lưu trong văn học dân tộc. Như vậy, tuy là một cuộc cách mạng lớn mang ý nghĩa *chuyển đổi*, ý nghĩa *cách tân* quan trọng, nhưng trên phương diện văn học, Cách mạng tháng Tám còn mang ý nghĩa *chuyển tiếp*, ý nghĩa *kế thừa* và *phát triển*. Cách nhìn nhận này sẽ cho chúng ta thấy biện chứng lịch sử của quá trình phát triển cách mạng và văn học, thấy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đồng thời đánh giá đầy đủ hơn ý nghĩa nhiều mặt của cuộc Cách mạng tháng Tám. Trong bảng phân kỳ lịch sử văn học hiện đại, với Cách mạng tháng Tám, năm 1945 trở thành mốc phân kỳ lịch sử chính xác, rõ ràng, không một học giả nào tỏ ra nghi ngờ, bàn cãi. Nhưng đó không phải là ranh giới chia cắt tiến trình như một lát cắt ngang sắc gọn và dứt khoát. Trái lại, nó là điều kiện lịch sử, là tiền đề mỹ học mới để cho những tư tưởng văn học tiến bộ xuất hiện từ trước phát triển, trong đó diễn ra sự hợp lưu, sự hội tụ những giá trị văn học khác nhau đã hình thành và phát triển trong thời kỳ 1930-1945.

Từ một thực tế lịch sử khác, cần phải nhìn nhận Cách mạng tháng Tám như một nguyên cơ lịch sử để từ đó diễn ra cuộc cách tân vĩ đại trong văn học.

Với thành công của cuộc Cách mạng tháng Tám, lịch sử Việt Nam đã diễn ra bước ngoặt quan trọng. Lần đầu tiên, một chính thể mới - dân chủ cộng hòa được xác lập. ý nghĩa cách mạng của sự kiện này bao trùm mọi mặt của đời sống chính trị, xã hội và văn học. Đây thực sự là thành tựu vĩ đại của sự nghiệp giải phóng mà quỹ đạo của nó đã được hình thành từ cuối những năm hai mươi, đầu những năm ba mươi với vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Có thể xem Cách mạng tháng Tám như một sự chuyển đổi quan trọng và toàn diện chiều hướng phát triển lịch sử của đất nước. Sau hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến và ngót trăm năm dưới chế độ thuộc địa của thực dân, nước Việt Nam thoát khỏi xiềng xích nô lệ và sự kìm hãm của những thiết chế quân chủ, tuyên ngôn trước thế giới về nền độc lập tự chủ của mình. Với Cách mạng tháng Tám, một thể chế chính trị - xã hội mới ra đời và

cùng với nó, những hệ giá trị tinh thần mới đã được xác lập. Lý tưởng giải phóng và ánh sáng tự do từ cuộc cách mạng này tỏ ra có sức hút, sức cảm hóa đặc biệt mạnh mẽ đối với tầng lớp trí thức văn nghệ sĩ. Trừ một số ít lầm đường lạc lối do tham gia quá sâu vào các đảng phái chính trị thời kỳ trước cách mạng, còn phần lớn các trí thức văn nghệ sĩ đều đã đi theo cách mạng, ngay từ những ngày đầu tiên trong lễ đăng quang chế độ mới. Hơn ai hết, họ cảm nhận được sự thay đổi của vận mệnh dân tộc, vận mệnh công dân và giác ngộ sâu sắc về vai trò của mình. Sau một thoáng ngỡ ngàng, choáng ngợp ở buổi “ban đầu dân quốc”, các nhà văn, nhà thơ đã mau chóng hòa nhập, mau chóng tìm được nguồn cảm hứng mới mẻ, không kém phần sôi nổi và bùng bột từ thực tế lịch sử mới của đất nước để sáng tác. Từ thế giới cái Tôi tuyệt đích, cái Tôi nhiều giọng điệu, nhiều cung bậc từng thống lĩnh văn chương trước 1945, các nhà văn, nhà thơ đã bắt đầu làm quen với thế giới cái Ta hòa đồng, cái Ta không ranh giới giữa nghệ sĩ và công dân, nghệ sĩ và Tổ quốc. Đối với những nhà văn từng hoạt động trong Văn hóa cứu quốc thời kỳ tiền khởi thì cách mạng đối với họ tuy vĩ đại và thiêng liêng nhưng không lạ lắm đến mức làm họ ngỡ ngàng, sửng sờ. Nhưng đối với những nhà văn, nhà thơ thuộc các trào lưu văn học công khai trước đây, cách mạng giống như một tiếng sét long trời, một cuộc hoàn sinh vĩ đại. Trước sự đổi đời và đổi thời, họ vừa phải từ bỏ chính cả bản thân họ, vừa phải làm quen để thích ứng dần với một thực tại mới, trong đó văn chương được nhận thức lại, được mang những quan niệm giá trị mới. Trước thực tại mới, cái Tôi thâm thúy và sâu sắc, cái Tôi cô đơn lạnh lẽo và khinh bạc đến rợn người đã trở nên quá nhỏ bé và không còn phù hợp với cuộc đời rộng lớn của những người vừa được giải phóng, được đưa từ địa vị nô lệ lên địa vị người làm chủ. Trong thái độ khước từ quá khứ mà ta thấy được từ phát ngôn của các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng thời kỳ này, tuy có chút gượng gạo, ngượng ngùng nhưng cũng tỏ ra không ít hồn nhiên và chân thành. Thực tại dân quốc đã đưa nghệ sĩ từ tháp ngà nghệ thuật đến với những người áo nâu, chân đất, đến với Công-Nông-Binh đang căng lồng ngực hít thở không khí tự do,

đang say sưa đến độ về địa vị mới của mình và đang cuồng nhiệt về ý thức trách nhiệm công dân mới. Có lẽ đó là nguồn cảm hứng trong trẻo, mạnh mẽ nhất đưa đến những sáng tác văn học thuộc nhiều thể loại ra đời vào năm đầu tiên của chính thể cộng hòa. Trong những sáng tác này, dễ dàng nhận thấy những dấu hiệu hoàn toàn mới về chất của một nền văn học được khai sinh trong kỷ nguyên độc lập, tự do. Một ý thức văn học mới, một tư duy lý luận mới đã từng bước hình thành. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, cùng với công - nông - binh, trí thức văn nghệ sĩ cách mạng đã tỏa lên các chiến khu, về nông thôn, vào các cơ quan, đơn vị, hăm hở để làm quen với đời sống mới, con người mới, thực tại mới. Điều đó cũng có nghĩa là làm quen với một nền văn học mới mà tính chất *dân tộc* và *nhân dân* nổi lên hàng đầu. Một cuộc nhận đường vĩ đại và đầy ý nghĩa đã diễn ra vào những năm đầu của cuộc kháng chiến. Trong cuộc nhận đường đó, cùng với quá trình “lột xác”, quá trình “từ bỏ”, văn nghệ sĩ đã tích cực nhập cuộc, chủ động trong việc lĩnh hội, tiếp thu những tư tưởng văn học mới để đáp ứng yêu cầu mới của kháng chiến. Cho đến lúc này, các phương châm Dân tộc, Khoa học, Đại chúng của *Đề cương văn hóa* vẫn tiếp tục phát triển làm cơ sở cho hoạt động văn hóa văn nghệ, đặc biệt là phương châm Đại chúng hóa. Đây là một đặc điểm khá nổi bật của văn học nghệ thuật so với giai đoạn trước cách mạng. Nếu như từ 1943 đến ngày *Toàn quốc kháng chiến*, trong hoàn cảnh mất nước và trước họa xâm lăng, phương châm *Dân tộc* có sức lôi cuốn, cảm hóa đặc biệt, chi phối mạnh mẽ tiến trình cách mạng và văn chương thì sang giai đoạn này, trên cái nền của chính thể mới, phương châm *Đại chúng* lại nổi lên có sức hấp dẫn, chi phối toàn diện và sâu sắc tiến trình văn học. Với phương châm này, nghệ sĩ về với nhân dân, sống cùng nhân dân, sáng tác cho nhân dân và vì nhân dân. Ngược lại, công chúng lao động vốn là những người trước đây chưa hề biết đến nghệ thuật, hoặc biết đến như một thứ xa xỉ thì nay họ trở thành người nuôi dưỡng, thành người thẩm định, và đặc biệt là trở thành người vừa sáng tạo, vừa thưởng thức. Những nghệ sĩ chuyên nghiệp trước đây nay trở thành hạt

nhân, hòa đồng với quần chúng trong một cuộc sáng tạo bình dị mà chân thành. Những gì xa lạ với nhân dân, dính dáng đến phong kiến, đế quốc đều có nhu cầu phải được loại bỏ. Một ý thức văn học mới - văn học của đại chúng, văn học của các tổ chức, đoàn thể đã hình thành. Chính ý thức này đã tạo lập cho nhà văn và cho những nhân vật văn học những ngôi vị mới, những tư cách mới trong mối liên hệ với đối tượng của mình. Khái niệm quần chúng không chỉ được các nhà văn, nhà thơ, các nghệ sĩ, trí thức lĩnh hội và tiếp nhận như môi trường sống, môi trường hoạt động và bao dung mình mà còn như một chuẩn mực, một phẩm chất và một vẻ đẹp mới của lao động sáng tạo. Thâm nhập quần chúng, lắng nghe quần chúng, đáp ứng những đòi hỏi của họ, do đó trở thành một phương châm sống, phương châm hoạt động và đích sáng tạo của nghệ sĩ. Có thể xem đây là một phẩm chất mới do Cách mạng tháng Tám mang lại, là tiền đề tạo nên một trong số những đặc trưng thẩm mỹ quan trọng của nền văn học mới.

Nhìn lại quá trình phát triển của nền văn học cách mạng trong 60 năm qua, có thể nói đó là một nền văn học gắn bó với số phận của dân tộc và nhân dân, gắn bó với những sự kiện lớn của lịch sử và thời đại.

Ngay từ khi mới được khai sinh cho đến tuổi trưởng thành, nền văn học nghệ thuật Cách mạng đã được tôi luyện, được thử thách trong hai cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm. Những mâu thuẫn lớn của thời đại, những vấn đề của đời sống tinh thần và lịch sử của dân tộc đã được các nhà văn với tư cách “Người thư ký trung thành của thời đại” phản ánh dưới nhiều thể loại, nhiều góc độ phong cách khác nhau, qua nhiều tác phẩm văn học có sức sống cùng thời gian và thời đại. Với ý thức xã hội - công dân sâu sắc, bằng tài năng, trí tuệ và lòng dũng cảm, các nghệ sĩ vừa cầm bút, vừa cầm súng; vừa là người góp phần tạo nên thực tại với rất nhiều phẩm chất anh hùng, vừa là người phản ánh thực tại đó thông qua tác phẩm của mình.

Trên nền tảng lý luận văn học và mỹ học mácxít được thiết lập từ cuối những năm năm mươi, đầu những năm sáu mươi, văn học được ý thức như một phương tiện hữu hiệu để phản ánh thực tại đấu tranh

thống nhất và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có lẽ thời kỳ 1945-1975 là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của văn học Cách mạng cả về lực lượng sáng tác lẫn số lượng tác phẩm và chất lượng nghệ thuật. Có thể tìm thấy trong bất kỳ sáng tác văn học nào ra đời thời kỳ này lý tưởng và hoài bão của cả dân tộc. Phẩm chất anh hùng của thực tại chiến tranh Cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội đã được chuyển vào mỗi áng văn thơ để từ đó tạo ra những nguồn lực tinh thần mới, huy động cả cộng đồng và mục tiêu giải phóng dân tộc. Lịch sử văn học 30 năm chiến tranh về một mặt nào đó được đánh giá như một cuốn biên niên sử, ở đó không chỉ quan sát được số phận dân tộc mà còn quan sát được số phận của mỗi cá nhân. Với cảm hứng anh hùng và cảm hứng nhân đạo, thực tại chiến tranh đã được nhìn nhận và lý giải vừa như một biến cố bất thường, vừa như là một tất yếu lịch sử. Thông qua tác phẩm văn chương, chiến tranh không hoàn toàn chỉ là sự hủy hoại khốc liệt mà còn là sự kiểm chứng các giá trị, sự bảo vệ và phát triển nền tảng tinh thần của toàn xã hội, là sự thử thách của ý chí công dân trước số phận của đất nước.

Cho đến nay, tuy chúng ta vẫn đang đứng trước yêu cầu tổng kết những kinh nghiệm nghệ thuật thời kỳ chiến tranh cách mạng, nhiều thành tựu của văn học thời kỳ chiến tranh chưa được đánh giá thỏa đáng, nhiều bài học lớn và quan trọng chưa được đúc rút, nhưng ngay từ khi chiến tranh mới kết thúc, văn học nghệ thuật đã được đánh giá *“xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của các nền văn học nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay”*.

Mười năm tiếp theo từ 1975-1985 có thể xem là mười năm đất nước ta phải đối mặt với những khó khăn khốc liệt của thời kỳ hậu chiến. Khi khúc khải hoàn vừa tấu xong, những xúc cảm mạnh mẽ về chiến công tuyệt đỉnh tạm lắng xuống thì những mặt trái của hiện thực chiến tranh lại bộc lộ và đòi được nhận thức. Đó không chỉ là những tổn thất lớn lao về người và của, những thực tế bi lụy và bi đát còn rơi rớt lại như là hậu quả nặng nề của hơn hai mươi năm chiến tranh; là những đổ nát cần phải được tái thiết; là những sự không phù hợp khi chuyển từ

thời chiến sang thời bình... mà còn là những vấn đề xã hội - đạo đức, những khía cạnh nhân đạo của xã hội sau chiến tranh. Những vấn đề đó không chỉ đặt ra trên những bình diện xã hội mà còn đặt ra trong mỗi gia đình, mỗi con người. Trong thực tại mới này xuất hiện những loại hình xung đột mới, những kiểu mâu thuẫn mới. Không ít những giá trị từng được đề cao trong chiến tranh nay tỏ ra không còn mấy thích hợp. Một kiểu người mới xuất hiện. Một hệ giá trị mới hình thành. ý thức xã hội công dân thời chiến đã nhường chỗ cho ý thức xã hội công dân thời bình, mặc dù đây đó, tiếng súng vẫn chưa kết thúc. Thời gian 10 năm từ 1975-1985 có thể xem là khoảng thời gian vật chất cần thiết để đất nước ta nhận thức ra sự vận hành và tác động của các quy luật đối với đời sống lịch sử đất nước từ thời chiến sang thời bình. Chính trong thực tại đó, miễn cảm nghệ sĩ và ý thức công dân đã một lần nữa thôi thúc các nhà văn tìm kiếm những câu trả lời, những giải pháp hữu hiệu cho những vấn đề của đời sống đạo đức tinh thần cũng như đời sống sản xuất vật chất của xã hội. Với ý thức trách nhiệm của nhà văn và với độ lùi cần thiết của lịch sử, nhiều tác phẩm tiếp tục hướng vào đề tài chiến tranh cách mạng, đề xuất những cách lý giải mới về hiện thực chiến tranh. Trong không khí dân chủ và nhiệt huyết công dân mới, nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật hướng vào những vấn đề xã hội - chính trị nóng bỏng đang đặt ra trong đời sống. Mười năm sau chiến tranh, cơ chế quan liêu bao cấp đã đến lúc bộc lộ hết những hậu quả nặng nề của nó trên mọi mặt của đời sống chính trị xã hội. Hàng loạt chủ trương chính sách đã tỏ ra lỗi thời. Những quy luật đặc thù của đời sống chiến tranh đã hết hiệu lực, không còn phù hợp với trạng thái phát triển của đất nước trong điều kiện lịch sử mới. Bảng giá trị đạo đức - xã hội cũng thay đổi. Những chuẩn mực mới, những type người mới xuất hiện như một sự điều chỉnh, bổ sung, cân bằng lại những thiếu hụt và dư thừa được phát hiện ra trong tiến trình vận động của lịch sử. Trong khi, trên bình diện nhận thức tư tưởng, các quan điểm nhận định đúng, sai về từng vấn đề dường như chưa ngã ngũ; khi cái sai, cái lỗi thời chưa được nhìn nhận và phê phán triệt để; cái đúng, cái mới cũng chưa được khẳng định nâng đỡ, thì trên bình diện khác,

không khí dân chủ của toàn xã hội vẫn chưa lưu thông. Nhiều mảng hiện thực vẫn còn bị cấm kỵ. Cảm hứng phê phán chưa tìm được chỗ đứng trên các diễn đàn văn học nghệ thuật. Thực tế đời sống đã làm nảy sinh những tình huống bi - hài để các nhà văn bằng mẫn cảm nghệ sĩ của mình phát hiện sớm những bi kịch chớm nở, những hài kịch của cái cũ, cái lỗi thời chưa được nhận thức. Chỉ đến khi mọi tiền đề chính trị - xã hội và thẩm mỹ đã chín muồi, một loạt tác phẩm văn học nghệ thuật mang cảm hứng công dân và tinh thần dân chủ sâu sắc mới xuất hiện. Nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật đã đặt ra những câu hỏi, những chất vấn và những câu trả lời có tầm quốc gia và thời đại. Từ thực tế đời sống, văn học nghệ thuật đã đặt ra và góp phần giải quyết nhiều vấn đề mà thực tiễn đời sống xã hội chưa được giải quyết; nói những tiếng nói công khai mà cuộc sống chưa dám nói; gợi mở và đề xuất những vấn đề được cuộc sống chứng thực là đúng. Với đặc điểm này, văn học thời kỳ 1975-1985 mang tính thời sự - chính luận và cảm hứng công dân sâu sắc. Trong nhiều trường hợp, các nhà văn hiện ra như một người phản biện lại cơ chế, phản biện lại đường lối chính sách, còn công chúng nghệ thuật thì như một đám đông tham dự vào diễn đàn sôi động và nóng bỏng. Giao lưu nghệ thuật thời kỳ này có thể xem là sự giao lưu lý tưởng. Chưa bao giờ công chúng đến với nghệ thuật với niềm phấn khích mạnh mẽ như thời kỳ này.

Nhìn lại lịch sử phát triển văn học nghệ thuật thời kỳ 1975-1985 có thể dễ dàng nhận thấy những dấu hiệu báo trước của thời kỳ đổi mới sẽ được chính thức khởi xướng từ 1986 trở đi. Với những dấu hiệu này, các nhà nghiên cứu văn học nghệ thuật có thêm căn cứ xác đáng và thuyết phục để đề xuất chức năng dự báo của văn học. Tuy việc nhận thức quy luật không phải dễ dàng và ngay một lúc đạt được sự đồng thuận, nhưng cũng chính trong thời gian cả nước đang tư duy, đang tìm kiếm này, văn học nghệ thuật đã bước đầu nhận thức được những bất cập của lịch sử, bất cập của những chủ trương chính sách, đặc biệt là sự nhận thức được những lỗi thời của những nếp nghĩ, những cung cách làm ăn, những thói quen và phần nào cả những kinh nghiệm quản lý xã hội cũ. Trong tình hình đó, văn học nghệ thuật thuộc về lực lượng

tiên tiến của xã hội. Mẫn cảm nghệ sĩ, tinh thần công dân và trí tuệ thời đại đã mang đến cho văn học nghệ thuật thời kỳ này những phẩm chất hoàn toàn mới.

Từ khi công cuộc đổi mới đất nước được Đảng ta khởi xướng, văn học nghệ thuật như được tiếp thêm nguồn năng lượng mới để vừa tiếp tục văn mạch trước đây, vừa khơi thêm những nguồn mạch mới để phát triển. Trong sự vận hành nghiệt ngã của cơ chế thị trường, văn chương tiếp tục nhận thức và phản ánh sâu sắc hơn bản chất thực tại, phát hiện tinh tế hơn, chính xác hơn những mẫu người mới, những nếp cảm, nếp nghĩ mới đang xuất hiện; đồng thời góp phần cảnh báo toàn xã hội về sự lộng hành của cái xấu, cái ác, bênh vực và bảo vệ phẩm giá của con người. Chính tinh thần dân chủ được xem như một thành tựu quan trọng của thời kỳ đổi mới đã tạo cho văn học nghệ thuật dũng khí mới trong việc đi sâu vào những mặt trái của quá trình phát triển xã hội, đối mặt với những vấn đề nhức nhối của đời sống tinh thần con người trước các thử thách của thời đại để hướng tới sự hoàn thiện đạo đức và nhân cách. Với tinh thần đổi mới, nhiều giá trị văn học trước đây, trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể nào đó bị bỏ qua hoặc nhìn nhận chưa thỏa đáng thì nay đã được đánh giá lại, được trả lại các giá trị đích thực và khôi phục lại vị trí đáng có của nó trong lịch sử văn học. Trong dòng xoáy của cơ chế thị trường, có lúc văn học nghệ thuật dường như không còn giữ được ngôi vị cao sang như thời kỳ chiến tranh, nhưng nó lại cho thấy những chiều suy tư khác nhau của đời sống con người, những trần trở của số phận cá nhân trước những biến chuyển gấp gáp của cuộc sống đương đại, nhất là trước các sự kiện lớn, các vấn đề lớn diễn ra trên thế giới. Trước ngưỡng cửa của thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa, văn học nghệ thuật đã phân nào cho thấy bóng dáng và thế giới tinh thần của con người trước sức mạnh của công nghệ và văn minh vật chất. Mặc dù xu thế hội nhập đang tạo ra những cơ hội để các quốc gia xích lại gần nhau trong một thế giới có khá nhiều những mối quan tâm chung, nhưng văn học nghệ thuật, một mặt vẫn tỏ ra là một bộ phận quan trọng trong tổng thể văn hóa dân tộc giữ được bản sắc riêng, phong vị riêng; mặt khác, giới nghiên cứu,

dịch thật vẫn đang tăng cường nghiên cứu tìm hiểu, chọn lựa và giới thiệu những tinh hoa văn học nhân loại với công chúng Việt Nam để làm giàu có hơn gia tài tinh thần của dân tộc mình. Cùng với quá trình đổi mới và phát triển, văn học những năm cuối thế kỷ tỏ ra nhạy cảm và tỉnh táo hơn trong việc nhận thức những hạn chế của mình để theo kịp yêu cầu mới của thực tại. Chính tinh thần tự nhận thức để đổi mới và phát triển đó đã đặt trước giới nghiên cứu văn học yêu cầu tổng kết kinh nghiệm nghệ thuật trong 30 năm chiến tranh, kinh nghiệm nghệ thuật thời kỳ đổi mới để từ đó đúc kết rút những vấn đề lý luận phù hợp với thực tiễn nghệ thuật và thực tiễn lịch sử mới.

Mặc dù, với lịch sử hào hùng của dân tộc 60 năm qua, văn học nghệ thuật vẫn còn những món nợ tinh thần chưa trả xong, nhưng với những thành tựu đạt được trong từng thời kỳ, có thể nói văn học nghệ thuật Cách mạng đã hoàn thành sứ mệnh vẻ vang của mình.

Kỷ niệm 60 năm Cách mạng tháng Tám, nhìn lại cả tiến trình văn học hiện đại chúng ta vừa có quyền tự hào, nhưng cũng vừa nhận thức rõ hơn yêu cầu mới đối với văn học trong thời đại công nghiệp hóa và hiện đại hóa để càng ngày, văn học càng gắn bó hơn với nhân dân, với Tổ quốc và với mỗi con người. (**)

Chú thích

** Bài đã đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 9/2005.